

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội
Số 222 Lê Duẩn, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

2020

Mô hình

Mô hình của Ban Tổng Giám đốc

Mô hình

Mô hình

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ NỘI

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(Đã được kiểm toán)

Mô hình

Mô hình



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02- 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 số 0100110302 ngày 27/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Chủ tịch	
Ông Đỗ Vĩnh Quang	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/05/2020
Ông Đỗ Quang Thịnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	
Ông Phan Mạnh Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11/05/2020
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tiến Hiếu	Thành viên
Ông Vũ Huy Thành	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021



Số: 250321.048/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Đinh Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.948.899.613	15.747.198.451
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	7.370.358.032	3.433.183.563
111	1. Tiền		7.370.358.032	3.433.183.563
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.019.569.711	4.263.306.164
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.346.251.227	2.904.050.623
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.508.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	2.665.810.484	1.359.255.541
140	IV. Hàng tồn kho		5.501.685.492	8.035.226.987
141	1. Hàng tồn kho	6	5.501.685.492	8.035.226.987
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		57.286.378	15.481.737
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	57.286.378	15.481.737
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.725.510.146	11.293.784.522
220	II. Tài sản cố định		10.680.714.097	11.293.784.522
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.548.630.758	11.169.367.853
222	- Nguyên giá		22.229.353.949	22.229.353.949
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.680.723.191)	(11.059.986.096)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	132.083.339	124.416.669
228	- Nguyên giá		259.500.000	209.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(127.416.661)	(85.083.331)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		44.796.049	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		44.796.049	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		29.674.409.759	27.040.982.973

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		7.763.885.695	5.426.343.203
310	I. Nợ ngắn hạn		7.763.885.695	5.426.343.203
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	5.886.853.426	3.494.510.757
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10.331.000	271.412.342
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	248.255.216	98.499.442
314	4. Phải trả người lao động		1.326.085.671	1.299.211.985
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		107.181.721	146.871.440
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		185.178.661	115.837.237
400	B. NGUỒN VỐN		21.910.524.064	21.614.639.770
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	21.910.524.064	21.614.639.770
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		556.798.109	556.798.109
415	3. Cổ phiếu quỹ		(486.000.000)	(486.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		343.998.222	274.656.798
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.495.727.733	1.269.184.863
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		630.910.590	731.770.626
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		864.817.143	537.414.237
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		29.674.409.759	27.040.982.973



Trần Trung
Người lập biểu



Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng

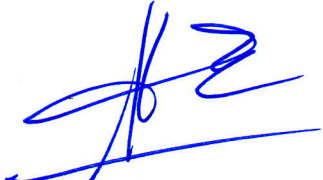


Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	178.837.193.363	163.897.785.333
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	13	1.883.047.704	3.537.464.503
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	176.954.145.659	160.360.320.830
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	14	155.389.224.482	138.327.142.050
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.564.921.177	22.033.178.780
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		11.550.955	13.200.760
22	7. Chi phí tài chính		234.027.953	426.540.130
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		234.027.953	426.540.130
25	8. Chi phí bán hàng	15	14.293.728.423	14.178.533.369
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	5.844.935.294	6.658.480.714
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.203.780.462	782.825.327
31	11. Thu nhập khác		53.784.022	84.616.932
32	12. Chi phí khác		800.364	674.462
40	13. Lợi nhuận khác		52.983.658	83.942.470
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.256.764.120	866.767.797
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	175.946.977	173.353.560
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.080.817.143	693.414.237
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	488	313
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19		313


Trần Trung
Người lập biểu

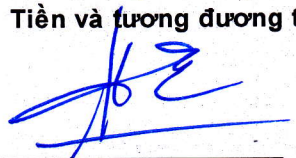

Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng

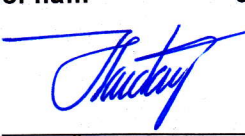

Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

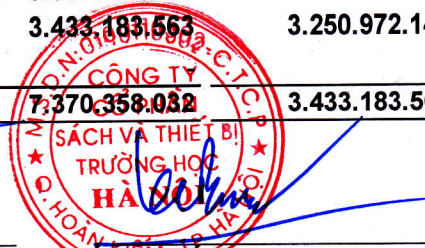
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.256.764.120	866.767.797
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		663.070.425	805.991.074
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(11.550.955)	(14.700.760)
06	Chi phí lãi vay		234.027.953	426.540.130
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.142.311.543	2.084.598.241
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		(1.414.525.050)	2.156.167.418
10	Giảm hàng tồn kho		2.533.541.495	2.135.799.594
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.242.135.661	(2.274.758.750)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(44.796.049)	300.946.173
14	Tiền lãi vay đã trả		(234.027.953)	(426.540.130)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(235.191.258)	(170.000.000)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(216.000.000)	(156.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.773.448.389	3.650.212.546
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(449.024.875)	(39.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		-	1.500.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.550.955	13.200.760
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(437.473.920)	(24.799.240)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	(3.443.201.891)
33	3. Tiền thu từ đi vay		21.081.257.550	26.252.930.530
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(21.081.257.550)	(26.252.930.530)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(398.800.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(398.800.000)	(3.443.201.891)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.937.174.469	182.211.415
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	3.433.183.563	3.250.972.148
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	7.370.358.932	3.433.183.563


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Sách – Thiết bị và Xây dựng Trường học Hà Nội, chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hiện nay hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 0100110302 ngày 27/01/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 65 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 65 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- ▶ Kinh doanh sách, báo, các ấn phẩm, văn phòng phẩm;
- ▶ Kinh doanh các thiết bị điện tử, công nghệ thông tin;
- ▶ Kinh doanh các đồ dùng gia đình, đồ dùng học sinh;
- ▶ Xây dựng cơ sở vật chất trường học, cung cấp lắp đặt các thiết bị, đồ dùng dụng cụ dạy và học.

Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty tại ngày 31/12/2020 bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Đơn vị hạch toán phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Văn phòng Công ty	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2	Trung tâm số 1	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3	Trung tâm số 2	Số 45B, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
4	Trung tâm số 3	Số 11, Trần Huy Liệu, quận Ba Đình, Hà Nội
5	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
6	Cửa hàng số 2	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội
7	Xí nghiệp Xây lắp	Số 2 Cửa Bắc, quận Ba Đình, Hà Nội

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định

của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính bao gồm phần mềm phục vụ bán hàng tại các trung tâm, cửa hàng, website của Công ty.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50 năm
▶ Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
▶ Phương tiện vận tải	10 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.7 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào

giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và

- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12 Giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí đi vay, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành (20%).

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 v/v Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có doanh thu trong năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

2.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh sách và các thiết bị giáo dục chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý;

3. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	239.208.711	355.217.785
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.131.149.321	3.077.965.778
	7.370.358.032	3.433.183.563

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Sách thiết bị giáo dục Hà Thành	349.526.856	547.739.148
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội - Tiểu học	752.823.400	920.282.811
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội - Phòng THPT- Hồ sơ sổ sách	345.995.000	331.316.560
Khác	1.897.905.971	1.104.712.104
	3.346.251.227	2.904.050.623

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	22.000.000	22.000.000
Ký cược, ký quỹ	318.246.200	50.000.000
Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng (*)	1.365.753.416	966.728.541
Phải thu khác (**)	959.810.868	320.527.000
	2.665.810.484	1.359.255.541

(*) Phải thu tiền tư vấn thiết kế, khảo sát và giải phóng mặt bằng gồm các khoản chi phục vụ "Dự án xây dựng Tòa nhà trụ sở Văn phòng và dịch vụ cao cấp" của Công ty, gồm:

- Tiền đền bù giải tỏa cho ông Đinh Loan Nghiêm với số tiền 200.000.000 VND;
- Tạm ứng Công ty TNHH Thương mại Tư vấn Thiết kế Xây dựng Á Châu 360.140.800 VND; và
- Tiền lương, tiền công tổ giải phóng mặt bằng, Ban chuẩn bị đầu tư với số tiền 805.612.616 VND.

(**) Phải thu khác bao gồm:

- Tạm ứng Công ty TNHH Thiết kế Châu Á KUME: 558.909.091 VND;
- Phải thu tiền nhà đất của 22 hộ dân tại số 02 Cửa Bắc năm 2020: 318.113.020 VND và
- Khác: 82.788.757 VND

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hàng hóa	5.501.685.492	8.035.226.987
	5.501.685.492	8.035.226.987

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	20.083.001.404	161.834.000	1.984.518.545	22.229.353.949
Tại ngày 31/12/2020	20.083.001.404	161.834.000	1.984.518.545	22.229.353.949
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	9.342.170.545	113.802.749	1.604.012.802	11.059.986.096
Khấu hao trong năm	413.845.406	21.347.222	185.544.467	620.737.095
Tại ngày 31/12/2020	9.756.015.951	135.149.971	1.789.557.269	11.680.723.191
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	10.740.830.859	48.031.251	380.505.743	11.169.367.853
Tại ngày 31/12/2020	10.326.985.453	26.684.029	194.961.276	10.548.630.758

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là website Công ty, phần mềm bán hàng, phần mềm kế toán, phần mềm tích hợp hóa đơn điện tử có nguyên giá tại 31/12/2020 là 259.500.000 VND, khấu hao trong năm là 42.333.330 VND và khấu hao lũy kế tại 31/12/2020 là 127.416.661 VND.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Sách và Văn Hóa Phẩm Quảng Lợi	180.991.663	180.991.663	155.787.867	155.787.867
Công ty Cổ phần Đầu Tư Giáo Dục FPE	554.971.751	554.971.751	-	-
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	556.347.603	556.347.603	572.332.853	572.332.853
Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Giáo Dục Mới	498.062.740	498.062.740	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Việt Nam	478.993.908	478.993.908	210.461.508	210.461.508
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản giáo dục	427.213.200	427.213.200	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	3.190.272.561	3.190.272.561	2.555.928.529	2.555.928.529
		-		-
	5.886.853.426	5.886.853.426	3.494.510.757	3.494.510.757

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Năm 2020		31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	26.610.651	668.528.764	584.631.735	57.286.378	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.481.737	-	235.191.258	287.784.675	-	37.111.680
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.888.791	179.428.464	207.924.232	-	100.384.559
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	3.571.955.527	3.682.714.504	-	110.758.977
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	55.448.561	55.448.561	-	-
	15.481.737	98.499.442	4.714.552.574	4.822.503.707	57.286.378	248.255.216

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu Quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	20.000.000.000	4.000.000.000	222.357.849	(486.000.000)	992.365.303	24.728.723.152
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	693.414.237	693.414.237
Phân phối lợi nhuận	-	-	52.298.949	-	(104.597.898)	(52.298.949)
Thanh toán lãi do chậm nộp các khoản thu từ cổ phần hóa DNNN	-	(3.443.201.891)	-	-	-	(3.443.201.891)
Khoản truy thu và phạt thuế theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	(155.996.779)	(155.996.779)
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không thường trực	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	20.000.000.000	556.798.109	274.656.798	(486.000.000)	1.269.184.863	21.614.639.770
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	1.080.817.143	1.080.817.143
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	69.341.424	-	(537.482.848)	(468.141.424)
Khoản truy thu và phạt thuế theo Biên bản kiểm tra thuế	-	-	-	-	(100.791.425)	(100.791.425)
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không thường trực (ii)	-	-	-	-	(216.000.000)	(216.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	20.000.000.000	556.798.109	343.998.222	(486.000.000)	1.495.727.733	21.910.524.064

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 58/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 05 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận được phân phối		693.414.237
Trích quỹ đầu tư phát triển	10%	69.341.424
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	69.341.424
Trả cổ tức bằng tiền	57,51%	398.800.000
Chi trả thù lao HĐQT, BKS (đã tạm trích trong năm 2019)	22,49%	156.000.000

- (ii) Công ty đã tạm trích thù lao HĐQT và BKS năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 58/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2020.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2020 VND	Tỷ lệ %	01/01/2020 VND	Tỷ lệ %
UBND Thành phố Hà Nội (*)	-	0,00%	7.518.000.000	37,58%
Đỗ Ngọc Khanh	6.209.500.000	31,05%	6.209.500.000	31,05%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	5.709.500.000	28,55%	5.709.500.000	28,55%
Hoàng Anh Tuấn	1.600.000.000	8,00%	-	-
Các cổ đông khác	6.481.000.000	32,40%	563.000.000	2,82%
	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000	100,00%

(*) Ngày 03/09/2020, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) đã có Công văn số 7992/VSD-ĐK.NV thông báo việc đã thực hiện chuyển quyền sở hữu cổ phiếu HAB từ UBND Thành phố Hà Nội cho 10 nhà đầu tư, ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu là 03/09/2020.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
-Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
-Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	398.800.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	398.800.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	398.800.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	398.800.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu Quý) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000	6.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.994.000	1.994.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

12. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại các địa chỉ sau:

- ▶ Hợp đồng thuê đất ở số 2 Cửa Bắc để sử dụng với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh kể từ ngày 01/01/1996. Diện tích khu đất thuê là 1.649 m2. Hợp đồng này đã hết hạn và đang trong quá trình làm thủ tục ký gia hạn, theo đó Công ty đang trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo tạm tính của cơ quan thuế.
- ▶ Hợp đồng thuê đất tại 45B Lý Thường Kiệt để sử dụng với mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc, cơ sở kinh doanh trong thời gian 50 năm kể từ ngày 15/10/1993. Diện tích khu đất thuê là 1.076,3 m2. Ngày 13/01/2020, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU 277739 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

13. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu	178.837.193.363	163.897.785.333
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.837.193.363	163.828.741.648
Doanh thu xây lắp	-	69.043.685
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.883.047.704	3.537.464.503
Hàng bán bị trả lại	1.883.047.704	3.537.464.503
	176.954.145.659	160.360.320.830

14. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa và cung cấp dịch vụ	155.389.224.482	138.260.170.550
Giá vốn xây lắp	-	66.971.500
	155.389.224.482	138.327.142.050

15. Chi phí bán hàng

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.433.706.254	5.804.561.721
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	253.354.099	643.252.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	472.387.896	599.201.642
Tiền thuê đất	2.504.637.816	2.831.406.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.481.114.741	3.175.802.646
Chi phí bằng tiền khác	1.148.527.617	1.124.308.742
	14.293.728.423	14.178.533.369

16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.876.555.870	2.962.227.489
Chi phí dụng cụ quản lý	112.907.251	388.774.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	190.682.529	206.789.432
Thuế phí và lệ phí	863.963.672	972.886.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	859.767.638	1.023.172.988
Chi phí bằng tiền khác	941.058.334	1.104.629.832
	5.844.935.294	6.658.480.714

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.256.764.120	866.767.797
Thu nhập tính thuế	1.256.764.120	866.767.797
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	251.352.824	173.353.560
Chi phí thuế TNDN được giảm trong kỳ tính thuế năm 2020	75.405.847	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	175.946.977	173.353.560
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(15.481.737)	(71.119.657)
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế	111.837.698	52.284.360
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(235.191.258)	(170.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	37.111.680	(15.481.737)

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.080.817.143	693.414.237
Các khoản điều chỉnh	108.081.714	69.341.424
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>108.081.714</i>	<i>69.341.424</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	972.735.429	624.072.813
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.994.000	1.994.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	488	313

Công ty tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2020 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 58/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 11/05/2020.

19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.080.817.143	693.414.237
Các khoản điều chỉnh:		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	108.081.714	69.341.424
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	972.735.429	624.072.813
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.994.000	1.994.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	12.120.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	69	313

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 03/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 21/01/2021, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 121.200.000.000 VND thông qua chào bán cổ phiếu.

20. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	47.097.500
Chi phí nhân công	9.310.262.124	8.781.789.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	663.070.425	805.991.074
Chi phí công cụ dụng cụ	366.261.350	1.032.027.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.228.778.109	8.959.799.301
Chi phí khác bằng tiền	5.458.187.439	6.038.105.115
23.026.559.447	25.664.809.250	

21. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	7.370.358.032	-	3.433.183.563	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.012.061.711	-	4.263.306.164	-
	13.382.419.743	-	7.696.489.727	-
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			5.994.035.147	3.641.382.197
			5.994.035.147	3.641.382.197

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải

thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2020			
Tiền	7.370.358.032	-	7.370.358.032
Phải thu khách hàng, phải thu khác	6.012.061.711	-	6.012.061.711
	13.382.419.743	-	13.382.419.743
01/01/2020			
Tiền	3.433.183.563	-	3.433.183.563
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.263.306.164	-	4.263.306.164
	7.696.489.727	-	7.696.489.727

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
31/12/2020			
Phải trả người bán, phải trả khác	5.994.035.147	-	5.994.035.147
	5.994.035.147	-	5.994.035.147
01/01/2020			
Phải trả người bán, phải trả khác	3.641.382.197	-	3.641.382.197
	3.641.382.197	-	3.641.382.197

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 số 03/NQ-HABOOK-ĐHĐCĐ ngày 21/01/2021, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Nội đã thông qua Phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá là: 100.000.000.000 VND, và thông qua Phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ cho cán bộ công nhân viên của Công ty với tổng giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá là: 1.200.000.000 VND. Thời gian dự kiến chào bán là trong năm 2021, sau khi hoàn tất đợt chào bán, vốn điều lệ mới dự kiến là: 121.200.000.000 VND, tương ứng với 12.120.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

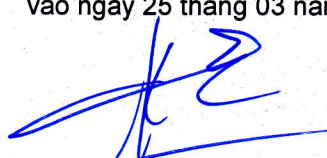
		Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc (Không bao gồm thù lao HĐQT)		792.678.976	592.575.432
Lê Quốc Bảo	Tổng giám đốc	317.961.895	201.727.125
Đỗ Quang Thịnh	Phó Tổng giám đốc	271.000.891	180.497.807
Vũ Xuân Dương	Phó Tổng giám đốc	203.716.190	162.730.500
Bạch Thị Tuyết Mai	Phó Tổng giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/07/2019	-	47.620.000
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		456.000.000	456.000.000
Lê Quốc Bảo	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
Đỗ Vinh Quang	Phó Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 11/05/2020	33.166.667	-
Đỗ Quang Thịnh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Phan Mạnh Hòa	Thành viên, bổ nhiệm ngày 24/06/2019	26.833.333	25.000.000
Bạch Thị Tuyết Mai	Thành viên, miễn nhiệm ngày 24/06/2019	-	35.000.000
Trần Đỗ Thành	Thành viên, miễn nhiệm ngày 24/06/2019	-	35.000.000
Nguyễn Phương Thảo	Thành viên, bổ nhiệm ngày 24/06/2019	60.000.000	25.000.000
Nguyễn Diệu Trinh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Tiến Hiếu	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Vũ Huy Thành	Thành viên	36.000.000	36.000.000
		1.248.678.976	1.048.575.432

24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

25. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2021.


Trần Trung
Người lập biểu


Nguyễn Hải Đăng
Kế toán trưởng


Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021